

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GREX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GREX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREX BRAND DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108393941

3. Ngày thành lập: 09/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 120A/254 Minh Khai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: • Bán buôn quặng kim loại • Bán buôn sắt, thép	4662
3.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
4.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
5.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
6.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
7.	Quảng cáo	7310(Chính)
8.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
9.	Hoạt động hậu kỳ	5912
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	In ấn	1811
12.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

14.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
15.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
16.	Cổng thông tin	6312
17.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình	5911
18.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
19.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
25.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
26.	Bán buôn gạo	4631
27.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: • Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh • Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: • Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy • Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: • Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác • Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
38.	Bán buôn thực phẩm	4632
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
41.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
42.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: • Bán buôn mô tô, xe máy • Bán lẻ mô tô, xe máy	4541
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: • Khách sạn • Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

6. Vốn điều lệ: 6.300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH TUẤN	Số 103A Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	126.000	1.260.000.000	20,000	0010870112 94	
			Cổ phần phổ thông	126.000	1.260.000.000	20,000		
2	HÀ NGỌC MINH	Số 8 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.500	2.205.000.000	35,000	012070467	
			Tổng số	220.500	2.205.000.000	35,000		
3	LÝ THỊ THU TRANG	263 Bạch Đằng, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	157.500	1.575.000.000	25,000	0341880000 63	
			Tổng số	157.500	1.575.000.000	25,000		
4	VŨ MINH ĐỨC	Số 41 Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	126.000	1.260.000.000	20,000	0010870056 87	
			Tổng số	126.000	1.260.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ MINH ĐỨC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/04/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001087005687*

Ngày cấp: *15/04/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 41 Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 41 Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội